

Bản án số: 89/2024/HS-ST

Ngày: 09 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Khánh

Ông Phan Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Đ, sinh ngày 12/8/1989 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ X, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kế toán trưởng TH&THCS G; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Phạm Thị S; bị cáo có chồng tên Trần Thành Đ1 và có 1 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Xuân S1, sinh ngày 20/9/1972 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: 196 N, tổ dân phố x, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng trường TH&THCS G; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân T (đã chết) và bà Vũ Thị T (đã chết); bị cáo có vợ tên Lưu Thị V và có 2 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ: Ông Vũ Quang K – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV VK thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: 82/10 BT, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* Bị hại: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở G.

Địa chỉ trụ sở: Làng K, xã G, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Cao T – Hiệu trưởng. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ X, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Trần Thành Đ1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ X, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Trần Diễm N2, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Kho bạc Nhà nước huyện K; địa chỉ: 16 THĐ, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ngân hàng N chi nhánh huyện K; địa chỉ: NH, tổ dân phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện K; địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Xuân S1 là Hiệu trưởng đồng thời là chủ tài khoản Trường Tiểu học và Trung học cơ sở G (TH&THCS G) huyện K, tỉnh Gia Lai theo Quyết định số X/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K; Trần Thị Đ là Kế toán theo Quyết định số X/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 23/12/2020, UBND huyện K ban hành Quyết định số X/QĐ-UBND về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2021 thực hiện chế độ tự chủ cho Trường TH&THCS G để thực hiện chi lương, các khoản phụ cấp đóng góp, chi thường xuyên, chi khác theo định mức với tổng số tiền là 7.711.762.000 đồng. Ngày 28/12/2018, UBND huyện K ban hành Quyết định số X/QĐ-UBND về giao quyền tự chủ cho Trường TH&THCS G giai đoạn từ 2019 - 2021. Ngày 20/12/2021, UBND huyện K ban hành Quyết định số X/QĐ-UBND về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2022 thực hiện chế độ tự chủ cho Trường TH&THCS G để thực hiện chi lương, các khoản phụ cấp đóng góp, chi thường xuyên, chi khác theo định mức với tổng số tiền là 7.904.689.000 đồng và ngày 14/3/2022, UBND huyện K ban hành Quyết định số X/QĐ-UBND về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022 – 2025, trong đó có Trường TH&THCS G. Căn cứ trên dự toán được UBND huyện K giao thực hiện tự chủ năm 2021, 2022 cho Trường TH&THCS G, Vũ Xuân S1

là Hiệu trưởng (Chủ Tài khoản) và Trần Thị Đ là Kế toán chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

Từ năm 2021 đến nay, Trường TH&THCS G thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính và trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước. Chủ tài khoản, Kế toán đăng ký chữ ký điện tử để thực hiện ký duyệt chứng từ thanh toán gửi lên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, chữ ký điện tử này giao cá nhân tự giữ. Tuy nhiên nhưng do tình hình dịch Covid 19 phức tạp, mặt khác vì tin tưởng Kế toán nên Vũ Xuân S1 đã giao bút ký điện tử của mình kèm theo tên đăng nhập, mật khẩu cho Trần Thị Đ giữ để kịp thời thanh toán các khoản chi lương cho giáo viên, nhân viên của Trường TH&THCS G.

Hàng tháng, Đ lập bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của biên chế, nhân viên hợp đồng Trường TH&THCS G, huyện K, tỉnh Gia Lai; Ủy nhiệm chi số tiền lương thực lĩnh trên bảng lương và trình cho ông S1 ký duyệt. Đ vào phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp lập giấy rút dự toán chi lương, các khoản phụ cấp theo lương và lập bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo mẫu 09 đúng với số tiền ghi trong giấy rút dự toán. Đ không trình cho ông S1 ký giấy rút dự toán và bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng. Đầm đã sử dụng bút ký điện tử của Kế toán và Hiệu trưởng để ký giấy rút dự toán kèm bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (được Đ scan chữ ký của ông Vũ Xuân S1) rồi gửi lên hệ thống dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước. Bà Ngô Thị K là giao dịch viên Kho bạc Nhà nước huyện K, tỉnh Gia Lai kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ; kiểm tra mẫu dấu, mẫu chữ ký của Kế toán, Chủ tài khoản so với mẫu dấu, chữ ký đã đăng ký tại Kho bạc; kiểm tra tổng số biên chế không vượt biên chế được UBND huyện giao và không vượt dự toán được giao, đủ điều kiện thanh toán và in ra 03 bản trình cho Kế toán trưởng (Nguyễn Thị Xuân T) ký, trình cho Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện K thực hiện ký duyệt trên Trang thông tin dịch vụ công xác nhận đã thực hiện thanh toán và ký 01 bản Giấy rút dự toán, 02 bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng để trả trực tiếp cho Kế toán của Trường TH&THCS G 02 bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng (01 bảng lưu tại Trường và 01 bảng chuyển cho Ngân hàng N huyện K kèm theo Ủy nhiệm chi) để thực hiện chi lương.

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, từ tháng 06/2021 đến tháng 11/2022, Đ lập bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương đã cộng thêm tiền lương của các giáo viên nghỉ thôi việc, nghỉ hưu, chuyển công tác (ông Lê Văn S2 nghỉ thôi việc từ ngày 01/3/2021, Đinh Văn R nghỉ thôi việc từ ngày 01/6/2021, Phan Đức T nghỉ hưu từ ngày 01/9/2021, Phan Văn C nghỉ việc theo nguyện vọng từ ngày 01/10/2021, Nguyễn Thị P và Trần Ngọc C chuyển công tác từ 01/10/2021) và 70% thu hút vùng của Đ (thực tế Đ

không được nhận) vào tổng số tiền lương thực lĩnh nhưng không cộng bằng công thức trên bảng Excel tính lương mà điền trực tiếp số tiền vào ô tổng thực lĩnh. Đ vẫn để tên các giáo viên nghỉ hưu, nghỉ thôi việc, chuyển công tác nhưng bôi trắng các dòng giá trị hệ số lương và in bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương, khoản trích nộp kèm theo Ủy nhiệm chi trình ông S1 ký duyệt. Ông S1 kiểm tra bảng lương và Ủy nhiệm chi khớp đúng số tiền thực lĩnh lương; kiểm tra đúng biên chế có mặt tại Trường và ký duyệt. Đ lập giấy rút dự toán và bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng bằng tổng số tiền thực lĩnh lương mà Đ đã cộng thêm gửi lên trang dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước huyện K để kiểm soát chi. Sau đó, Đ đã gửi bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng kèm ủy nhiệm chi cho Ngân hàng N huyện K để thực hiện chi lương vào tài khoản của Trần Diễm N2, Trần Thành Đ1, Đặng Văn N (không thuộc biên chế của Trường TH&THCS G) và tài khoản của Đ (chỉ vượt số tiền lương được hưởng theo quy định).

Từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, Đ đã tẩy sửa trên bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng đã được Kho bạc Nhà nước huyện K ký duyệt kiểm soát chi, điều chỉnh tên, số tài khoản của ông Đinh Văn R thành tên, số tài khoản của Trần Diễm N2, tẩy sửa lại số tiền thực lĩnh của Đ cho phù hợp với số tiền đã cộng thêm và chuyển bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng kèm Ủy nhiệm chi để Ngân hàng N huyện K thực hiện chi lương. Trần Thị Đ là bạn thân của Trần Diễm N2 nên Đ biết số tài khoản của N2. Đ đã đưa số tài khoản của N2 vào bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng của Trường TH&THCS G (từ tháng 06/2021 đến tháng 10/2021) để Ngân hàng N huyện K chi lương với tổng số tiền là 137.281.775 đồng. Sau khi chuyển lương vào tài khoản của N2 thì Đ điện thoại nói “Chuyển nhầm” và nhờ N2 chuyển trả lại cho Đ. N2 đã chuyển khoản và trả tiền mặt cho Đ đủ số tiền 137.281.775 đồng đã chuyển nhầm. Do thấy Đ thường xuyên chuyển nhầm tiền vào tài khoản của N2 nên N2 nói với Đ sao chuyển nhầm hoài vậy, Đ nói do copy nhầm số tài khoản và từ tháng 11/2021 đến tháng 11/2022, Đ không chuyển tiền vào tài khoản của N2 nữa.

Từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2022, Đ đã mượn tài khoản, thẻ ATM của Đặng Văn N (bạn của chồng Đ) và Trần Thành Đ2 (chồng của Đ) để sử dụng đưa vào Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng của Trường TH&THCS G. N và Đ2 không thuộc biên chế của Trường TH&THCS G. Sau khi Ngân hàng N huyện K chi lương vào tài khoản của Đặng Văn N với tổng số tiền 296.250.484 đồng và tài khoản của Trần Thành Đ2 tổng số tiền 374.157.799 đồng. Đ giữ thẻ ATM của N và Đ2 nên Đ đã trực tiếp rút tiền để sử dụng chi tiêu cá nhân.

Từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2022, Đ đã trực tiếp chuyển lương vào tài khoản của Đ với tổng số tiền là 169.774.582 đồng (Đ không phải là đối tượng được nhận) để chiếm đoạt chi tiêu cá nhân.

Bảng thủ đoạn trên, từ tháng 06/2021 đến tháng 12/2021, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 345.307.712 đồng từ nguồn kinh phí tự chủ năm 2021 của Trường TH&THCS G. Từ tháng 01/2022 đến tháng 11/2022, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 632.156.928 đồng từ nguồn kinh phí tự chủ năm 2022 của Trường TH&THCS G. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt là 977.464.640 đồng.

Ngoài ra, ngày 15/3/2021, ông Lê Văn S2 là giáo viên của Trường TH&THCS G có quyết định cho thôi việc để hưởng chế độ chính sách tinh giảm biên chế từ ngày 01/3/2021 đã nộp lại tiền lương tháng 3/2021 số tiền 13.804.504 đồng. Vũ Xuân S1 đã chỉ đạo Trần Thị Đ lập phiếu thu và làm thủ tục nộp giảm chi ngân sách Nhà nước theo đúng quy định. Đ đã trực tiếp nhận tiền mặt từ ông S2 nhưng không làm thủ tục nộp vào ngân sách Nhà nước mà đã sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Như vậy, từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2022, Trần Thị Đ đã chiếm đoạt tổng số tiền **991.269.144 đồng** từ nguồn kinh phí tự chủ của Trường TH&THCS G để chi tiêu cá nhân.

Ngoài hành vi chiếm đoạt số tiền nêu trên, sau khi chi lương tháng 11/2022, kinh phí tự chủ còn lại của Trường TH&THCS G không đủ để chi trả lương tháng 12/2022, Trần Thị Đ lo sợ bị phát hiện sẽ bị kỷ luật, đuổi việc và không có tiền trả lại nên đã tham mưu cho ông S1 ký tờ trình xin cấp bổ sung kinh phí tự chủ năm 2022 (chi lương, phụ cấp theo lương) và gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện K. Phạm Thị Thùy T - Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện K đã kiểm tra tài liệu, chứng từ đề nghị cấp bổ sung kinh phí của Trường TH&THCS G thấy tổng số tiền trên Giấy rút dự toán tháng 01/2022 do Đ cung cấp không trùng khớp với tổng số tiền trên Giấy rút dự toán tháng 01/2022 do Kho bạc Nhà nước huyện K cung cấp nên Phòng Tài chính - Kế hoạch đã mời Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện K, Hiệu trưởng và Kế toán Trường TH&THCS G họp để xác định lại kinh phí tự chủ năm 2022 và yêu cầu cung cấp bản gốc các Quyết định nâng lương thường xuyên viên chức, Quyết định nâng thâm niên nghề của Trường TH&THCS G trong năm 2022 để đối chiếu. Trần Thị Đ đã lập bảng Tổng hợp nhu cầu tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương năm 2022 đề ngày 23/11/2022 và bảng Tổng hợp nhu cầu kinh phí nâng lương và các khoản phụ cấp định kỳ năm 2022 của Trường TH&THCS G chỉ ghi năm 2022 (không ghi ngày, tháng). Đ đã đóng sẵn dấu của Trường, lấy chữ ký thật của ông S1 và đồ lên 02 bảng tổng hợp trên để in mẫu chữ ký, sau đó lấy bút vẽ theo nét chữ ký đã đồ để cung cấp cho Phòng Tài chính Kế hoạch huyện. Ngày 28/11/2022, ông Vũ Xuân S1 đã ký biên bản bàn giao bản gốc các quyết định nâng lương, nâng thâm niên năm 2021, 2022 cho Trần Thị Đ để cung cấp cho Phòng Tài chính Kế hoạch huyện K, tỉnh Gia Lai để kiểm tra, đối chiếu. Đ đã thực hiện chỉnh sửa nội dung trên 11 Quyết định

gốc của giáo viên để phù hợp với số tiền đề nghị cấp bổ sung kinh phí tự chủ bằng cách lấy file Quyết định nâng lương thường xuyên, nâng thâm niên nghề của giáo viên hàng năm được lưu trong máy tính của Trường (máy tính do bộ phận văn phòng quản lý, sử dụng và Đ là Tổ trưởng tổ văn phòng theo Quyết định số X/QĐ-CGL ngày 31/8/2022 của Trường TH&THCS G) sửa tên, ngày tháng năm nâng lương, thâm niên nghề và lấy các Quyết định gốc dùng dao lam cạo phần tên, ngày tháng năm nâng lương, thâm niên, sau đó đưa bản gốc đã được xóa nội dung vào máy in và in chèn lên Quyết định gốc. Đ đã cung cấp các tài liệu trên cho Phòng Tài chính Kế hoạch huyện để làm căn cứ cấp bổ sung kinh phí năm 2022. Sau khi Đ cung cấp 11 quyết định nâng lương của giáo viên (bản gốc), T kiểm tra thấy có dấu hiệu chỉnh sửa, tẩy xóa nội dung nên đã thông báo cho ông S1 biết và không đề xuất lãnh đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện K cấp bổ sung kinh phí tự chủ năm 2022 cho Trường TH&THCS G. Sau đó, Phòng Tài chính – Kế hoạch đã bàn giao các quyết định nâng lương của giáo viên bị tẩy xóa cho Công an huyện K để điều tra.

Qua giám định, tại Kết luận giám định số X/KL-KTHS ngày 15/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

- Chữ ký đứng tên Vũ Xuân S1 tại mục Thủ trưởng đơn vị, Hiệu trưởng trên Bảng tổng hợp nhu cầu tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương năm 2022 đề ngày 23/11/2022; Bảng tổng hợp nhu cầu kinh phí nâng lương và các khoản phụ cấp định kỳ năm 2022 của Trường TH&THCS G chỉ ghi năm 2022 không phải do cùng một người ký ra.

- Nội dung trên 11 Quyết định về việc nâng lương thường xuyên viên chức của Trường TH&THCS G bị tẩy xóa, sửa chữa, thay đổi nội dung so với bản gốc.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ việc bị phát hiện, tháng 12/2022, Trần Thị Đ đã nộp trả tiền cho Trường TH&THCS G số tiền là 632.156.928 đồng. Vũ Xuân S1 tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 200.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 51/CT-VKSGL-P1 ngày 29/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Đ về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 và tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Xuân S1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

2.1 Các bị cáo Trần Thị Đ, Vũ Xuân S1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản cáo trạng; thấy có tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

2.2 Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Giả mạo trong công tác”; bị cáo Vũ Xuân S1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ từ 15 đến 16 năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ từ 3 đến 4 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trần Thị Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 18 đến 20 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân S1 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Đ phải tiếp tục bồi thường 159.112.216 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

* Về vật chứng: Nộp vào Ngân sách Nhà nước 200.000.000 đồng mà bị cáo Vũ Xuân S1 đã nộp.

* Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Thị Đ, Vũ Xuân S1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.3 Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ trình bày: Nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ phát sinh tại phiên tòa để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2.4 Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Nhất trí toàn bộ nội dung vụ án như diễn biến tại phiên tòa. Do năm tài chính đã kết thúc và quyết toán xong, đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo Đ phải nộp lại số tiền chiếm đoạt vào Ngân sách Nhà nước. Khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Đ và bị cáo Vũ Xuân S1 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy có cơ sở xác định:

[2.1] Bị cáo Trần Thị Đ là kế toán của Trường TH&THCS G, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, bị cáo Đầm đã dùng thủ đoạn gian dối, cạo sửa và bổ sung người, bổ sung tiền phụ cấp vào Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng cũng như không nộp lại tiền lương đã thu của ông Lê Văn S2 vào Ngân sách Nhà nước, chiếm đoạt của Trường TH&THCS G tổng số tiền 991.269.144 đồng.

Đến cuối năm tài chính 2022, muốn có tiền để bù vào số tiền đã chiếm đoạt và sợ bị phát hiện nên bị cáo đã sửa chữa, làm sai lệch các quyết định nâng lương, thâm niên nghề, đồng thời lập và giả mạo chữ ký của Hiệu trưởng Trường TH&THCS G để ký vào bảng tổng hợp nhu cầu tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương năm 2022 và bảng Tổng hợp nhu cầu kinh phí nâng lương và các khoản phụ cấp định kỳ năm 2022 để nộp cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện K nhằm hợp lý nguồn tiền xin bổ sung kinh phí tự chủ thì bị phát hiện.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Thị Đ tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “Giả mạo trong công tác” với tình tiết định khung “Người phạm tội là người có trách nhiệm lập hoặc cấp các giấy tờ, tài liệu” theo điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2] Bị cáo Vũ Xuân S1 là Hiệu trưởng và là chủ tài khoản của Trường TH&THCS G, do tin tưởng bị cáo Đ nên đã vi phạm pháp luật khi giao bút ký điện tử cho bị cáo Đ quản lý, sử dụng; bị cáo còn thiếu kiểm tra, giám sát việc thanh toán tiền cho các đối tượng thụ hưởng nên dẫn đến bị cáo Đ nhiều lần chiếm đoạt tổng số tiền 991.269.144 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” với tình tiết định khung “Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[3.1] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo Trần Thị Đ phạm 02 tội, tội “Tham ô tài sản” thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm tài sản Nhà nước; tội “Giả mạo trong công tác” thuộc trường hợp rất nghiêm trọng

xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Bị cáo Vũ Xuân S1 phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại tài sản Nhà nước.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Thị Đ nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Tham ô tài sản”; đối với tội “Giả mạo trong công tác” bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Bị cáo Vũ Xuân S1: Không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Bị cáo Trần Thị Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, là phụ nữ lần đầu phạm tội, tại phiên tòa được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với 02 tội. Bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “Tham ô tài sản”.

- Bị cáo Vũ Xuân S1 khi phát hiện hành vi vi phạm của bị cáo Đ đã tích cực trình báo, cung cấp thông tin, tài liệu giúp cho cơ quan điều tra sớm xem xét xử lý; thành khẩn khai báo và tỏ rõ ăn năn hối cải; mặc dù không thuộc trường hợp phải bồi thường nhưng bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường 200.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại; quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được công nhận chiến sỹ thi đua, được tặng Bằng khen; cha bị cáo là người có công; tại phiên tòa, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo:

- Bị cáo Trần Thị Đ phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, để che giấu hành vi tham ô tài sản bị cáo đã giả mạo các chứng từ để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền. Do đó, cần xử nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, xem xét bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; đã tích cực tác động gia đình bồi thường phần lớn tiền chiếm đoạt, bản thân là phụ nữ phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử tuyên bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt của 02 tội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe chung. Do bị cáo phạm 02 tội nên sẽ tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

- Bị cáo Vũ Xuân S1 phạm tội nghiêm trọng, thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ dẫn đến việc kế toán chiếm đoạt tiền, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Xem xét bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, quá trình công tác có nhiều thành tích, được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, hiện có chỗ ở ổn định, có khả

năng tự cải tạo dưới sự giúp đỡ của địa phương và gia đình mà không gây nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt ở mức cao mà Kiểm sát viên đã đề nghị, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương với thời gian thử thách tương ứng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo Đ đã chiếm đoạt là 991.269.144 đồng. Trần Thị Đ đã nộp trả tiền cho Trường TH&THCS G 632.156.928 đồng, quá trình điều tra bị cáo Vũ Xuân S1 tự nguyện nộp 200.000.000 đồng.

Tại phiên toà, đại diện bị hại xác nhận Trường TH&THCS G đã nhận được tiền bồi thường 632.156.928 đồng; Nay đề nghị nộp toàn bộ số tiền bồi thường còn lại vào Ngân sách Nhà nước, gồm 200.000.000 đồng của bị cáo S1 nộp và 159.112.216 đồng bị cáo Đ còn phải bồi thường. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

[6] Về xử lý vật chứng:

Nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000 đồng bị cáo Vũ Xuân S1 tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả theo ý kiến của đại diện bị hại nêu trên.

[7] Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Thị Đ và bị cáo Vũ Xuân S1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Đ còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn lại phải bồi thường.

[8] Đối với các vấn đề khác có liên quan:

Đối với ông Đặng Văn N, ông Trần Thành Đ2 và bà Trần Diễm N2, Chuyên viên Kho bạc Nhà nước huyện K, Ngân hàng N chi nhánh huyện K, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện K: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đề nghị làm rõ các vấn đề có liên quan, để xác định có hay không việc đồng phạm hay phạm tội khác nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nên Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xem xét, trường hợp có căn cứ thì sẽ xử lý trong vụ án khác.

Đối với các vấn đề Toà án tỉnh Gia Lai đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, quá trình điều tra bổ sung không phát sinh gì mới nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục xem xét khi có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Giả mạo trong công tác”.

Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân S1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ **15** (Mười lăm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 359, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ **03** (Ba) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trần Thị Đ phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **18** (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân S1 **24** (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/9/2024).

Giao bị cáo Vũ Xuân S1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Trần Thị Đ phải tiếp tục bồi thường 159.112.216 đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn hai trăm mười sáu đồng*) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bị cáo Trần Thị Đ không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì Trường Tiểu học và Trung học cơ sở G có trách nhiệm làm đơn yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở G cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo Trần Thị Đ còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng theo Biên bản bàn giao vật chứng số 81/2024, ngày 05/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Trần Thị Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.955.610 đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Vũ Xuân S1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS, THS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hồng

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hồng

